

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Tháng 08 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tham gia quản lý và điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Quang Chung	Chủ tịch Hội đồng quản trị		11/06/2019
Ông Đinh Xuân Hoàng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	11/06/2019	
Ông Nguyễn Ngọc Tường	Phó Chủ tịch HĐQT		
Ông Trần Quang Chung	Thành viên	11/06/2019	
Ông Lê Văn Khoa	Thành viên		
Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên		07/06/2019
Ông Trần Văn Hải	Thành viên		
Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên		07/06/2019
Ông Vũ Văn Trung	Thành viên		07/06/2019
Ông Phạm Văn Lợi	Thành viên	07/06/2019	
Ban Giám đốc			
Ông Lê Văn Khoa	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc		11/06/2019
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc	11/06/2019	
Ban Kiểm soát			
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng Ban kiểm soát		
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên		
Ông Lê Nhất Minh Xuân	Thành viên		
Kế toán Công ty			
Ông Hoàng Hữu Điền	Kế toán trưởng		

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 nhằm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm và đảm bảo rằng sổ sách kế toán đã được ghi chép phù hợp, phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, luôn thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Lê Văn Khoa
Tổng Giám đốc
Kon Tum, ngày 21 tháng 08 năm 2019

Số: 691/2019/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Kính gửi: **Các Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 08 năm 2019, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



The image shows a red circular stamp of CPA Vietnam. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 0101917917", "CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM", and "THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM". A blue ink signature is written over the stamp.

Phan Huy Thắng

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

	MS	TM	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.076.063.829	54.216.728.827
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	13.533.891.414	28.213.223.887
1. Tiền	111		13.533.891.414	28.213.223.887
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.242.059.812	25.321.014.709
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	14.723.355.004	20.135.073.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	1.400.369.115	3.027.587.659
3. Phải thu khác ngắn hạn	136	5.05	3.118.335.693	2.158.353.843
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		300.112.603	682.490.231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.04	300.112.603	682.490.231
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		981.130.047.571	973.322.602.701
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.270.033.000	226.533.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.05	33.270.033.000	226.533.000
II. Tài sản cố định	220	5.06	944.179.332.323	970.343.742.785
1. Tài sản cố định hữu hình	221		944.179.332.323	970.343.742.785
- Nguyên giá	222		1.147.290.405.020	1.147.290.405.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(203.111.072.697)	(176.946.662.235)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.680.682.248	2.752.326.916
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.04	2.921.406.053	1.938.491.952
2. Lợi thế thương mại	269	5.07	759.276.195	813.834.964
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.014.206.111.400	1.027.539.331.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

	MS	TM	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		690.269.128.577	717.338.684.828
I. Nợ ngắn hạn	310		85.475.128.577	75.944.684.828
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.08	1.807.280.464	4.418.042.455
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.09	15.221.976.104	16.218.317.113
3. Phải trả người lao động	314		1.153.310.643	1.246.361.239
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	3.353.351.733	2.051.805.556
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	176.538.261	237.543.301
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	63.500.000.000	51.400.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		262.671.372	372.615.164
II. Nợ dài hạn	330		604.794.000.000	641.394.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	604.794.000.000	641.394.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		323.936.982.823	310.200.646.700
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	323.936.982.823	310.200.646.700
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.164.931.218	21.494.907.609
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.096.786.800	8.930.406.140
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.068.144.417	12.564.501.469
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.868.051.605	3.801.739.092
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.014.206.111.400	1.027.539.331.528

Kon Tum, ngày 21 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đoàn Thị Ngọc Thu



Hoàng Hữu Điền




Lê Văn Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	95.576.919.298	66.038.703.239
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.576.919.298	66.038.703.239
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	37.230.035.607	25.209.374.718
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.346.883.691	40.829.328.521
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	36.326.663	17.137.272
7. Chi phí tài chính	22	6.04	39.255.865.333	22.140.477.956
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		39.255.865.333	22.140.477.956
8. Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	3.820.969.443	2.895.637.288
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.306.375.578	15.810.350.550
12. Thu nhập khác	31		53.400	3.837.203
13. Chi phí khác	32		182.672.741	54.940.737
14. Lợi nhuận khác	40		(182.619.341)	(51.103.534)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.123.756.237	15.759.247.016
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.06	989.299.306	911.651.830
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.134.456.931	14.847.595.186
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	61		14.068.144.417	14.697.194.073
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		66.312.514	150.401.113
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.08	480	494

Kon Tum, ngày 21 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Đoàn Thị Ngọc Thu

Hoàng Hữu Điền

Lê Văn Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.123.756.237	15.759.247.016
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	26.164.410.462	16.889.474.547
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(36.326.663)	(17.137.272)
- Chi phí lãi vay	06	39.255.865.333	22.140.477.956
- Các khoản điều chỉnh khác	07	54.558.769	54.558.769
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	80.562.264.138	54.826.621.015
- Tăng các khoản phải thu	09	(16.276.668.103)	(194.306.845)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(27.783.829.411)	(2.644.693.190)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(600.536.473)	(148.549.321)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.027.083.731)	(32.936.404.345)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(581.740.956)	(1.251.022.837)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(508.064.600)	(203.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	9.784.340.864	17.448.254.477
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(19.897.650.296)
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	36.326.663	17.137.272
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	36.326.663	(19.880.513.024)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.500.000.000)	(14.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24.500.000.000)	(14.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(14.679.332.473)	(17.332.258.547)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.213.223.887	19.981.606.386
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13.533.891.414	2.649.347.839

Kon Tum, ngày 21 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Lê Văn Khoa

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Điện thoại: (84-6).03868119

Fax: (84-6).03868901

E-mail: info@dakne.vn

Website: www.dientruongthinh.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN****Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết
I	Công ty con			
1	Công ty TNHH Trung Việt	Lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%
II	Đơn vị trực thuộc			
1	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2, Xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%
2	Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng	Tầng 4, Tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		100%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Ngoài ra Công ty còn định kỳ lập báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty kiểm soát được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần của Công ty con hợp nhất trong kỳ hoạt động được xác định và loại trừ ra khỏi thu nhập của tập đoàn để tính lãi, hoặc lỗ thuần có thể được xác định cho những đối tượng sở hữu Công ty mẹ;

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát của Công ty được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định hiệu lực từ 28/11/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng, và trích khấu hao TSCĐ.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15-25
Máy móc và thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	56.628.001	79.340.486
Tiền gửi ngân hàng	13.477.263.413	28.133.883.401
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	13.533.891.414	28.213.223.887

5.02 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng công ty điện lực Miền Trung	14.704.605.004	20.078.823.207
Võ Thị Lâm Tú	18.750.000	56.250.000
Cộng	14.723.355.004	20.135.073.207

5.03 Trả trước người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Sóng Ngâm	235.000.000	-
Ông Đỗ Văn Phồn	-	736.895.800
Công ty TNHH Đông Anh	108.002.500	-
Hội đồng bồi thường giải phòng mặt bằng huyện Kon Rẫy	-	598.646.002
WEN GUO JIAN	-	218.732.000
Công ty Bảo hiểm toàn cầu Gia Lai	-	152.506.935
Các đối tượng khác	1.057.366.615	1.320.806.922
Cộng	1.400.369.115	3.027.587.659

5.04 Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	300.112.603	682.490.231
Công cụ dụng cụ	2.049.994	368.494.457
Chi phí thuê văn phòng	105.000.000	105.000.000
Chi phí bảo hiểm	193.062.609	202.932.212
Chi phí phân bổ khác	-	6.063.562
Chi phí trả trước dài hạn	2.921.406.053	1.938.491.951
Công cụ dụng cụ	1.065.767.439	415.615.865
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.855.148.387	1.519.739.109
Chi phí phân bổ khác	490.227	3.136.977
Cộng	3.221.518.656	2.620.982.183

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.05 Phải thu khác**

Đơn vị: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	3.118.335.693	-	2.158.353.843	-
- Phải thu tạm ứng	3.118.335.693	-	2.158.353.843	-
Ông Hoàng Hữu Điền	105.158.607	-	17.854.487	-
Ông Trần Quang Chung	13.000.000	-	-	-
Ông Lê Văn Khoa	945.396.995	-	49.284.070	-
Ông Võ Quốc Vương	383.823.924	-	280.256.777	-
Các đối tượng khác	1.670.956.167	-	1.810.958.509	-
Dài hạn	33.270.033.000	-	226.533.000	-
-Ký quỹ, ký cược (thuê nhà)	211.033.000	-	211.033.000	-
- Phải thu tạm ứng nhóm thực hiện dự án (ông Khoa) (*)	33.021.500.000	-	15.500.000	-
Ông Lê Văn Khoa	7.500.000.000	-	-	-
Ông Hồ Thanh Tiến	8.521.500.000	-	15.500.000	-
Ông Võ Quốc Vương	6.000.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Quân	4.000.000.000	-	-	-
Ông Hoàng Hữu Điền	7.000.000.000	-	-	-
- Phải thu tạm ứng khác	37.500.000	-	-	-
Cộng	36.388.368.693	-	2.384.886.843	-

(*) Khoản tạm ứng các cá nhân để triển khai thực hiện dự án Điện Mặt trời theo quyết định phê duyệt HĐQT Công ty. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, các cá nhân đã thực hiện hoàn ứng số tiền trên 14 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MÁU B 09 a -DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.06 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.139.134.836.490	636.754.545	7.395.502.893	123.311.092	1.147.290.405.020
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	1.139.134.836.490	636.754.545	7.395.502.893	123.311.092	1.147.290.405.020
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2019	174.488.167.231	421.615.663	1.934.146.629	102.732.712	176.946.662.235
Tăng trong kỳ	25.628.380.152	22.083.336	501.761.784	12.185.190	26.164.410.462
Khấu hao trong kỳ	25.628.380.152	22.083.336	501.761.784	12.185.190	26.164.410.462
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	200.116.547.383	443.698.999	2.435.908.413	114.917.902	203.111.072.697
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	964.646.669.259	215.138.882	5.461.356.264	20.578.380	970.343.742.785
Tại ngày 30/06/2019	939.018.289.107	193.055.546	4.959.594.480	8.393.190	944.179.332.323

Đơn vị: VND

Như trình bày tại thuyết minh 5.11, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2019 là 939.018.289.107 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.07 Lợi thế thương mại**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi thế thương mại	759.276.195	813.834.964
Cộng	759.276.195	813.834.964

5.08 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP TV XD Năng lượng tái tạo	41.536.000	41.536.000	41.536.000	41.536.000
Công ty Cổ phần Tấn Phát	500.000.001	500.000.001	210.000.001	210.000.001
Trung Tâm Điều độ hệ thống Điện Miền Trung	-	-	549.799.516	549.799.516
Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng điện	587.171.818	587.171.818	587.171.818	587.171.818
Công ty TNHH Hưng Long	-	-	2.260.500.000	2.260.500.000
Công ty cổ phần xây dựng thủy điện Việt Trung	401.094.000	401.094.000	401.094.000	401.094.000
Các đối tượng khác	277.478.645	277.478.645	367.941.120	367.941.120
Cộng	1.807.280.464	1.807.280.464	4.418.042.455	4.418.042.455

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.09 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

Đơn vị: VND

Nội dung	01/01/2019	Số phát sinh trong kỳ		30/6/2019
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	4.998.752.310	9.267.322.156	8.187.590.737	6.078.483.729
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.801.344.451	989.299.306	850.438.493	1.940.205.264
Thuế thu nhập cá nhân	796.672.843	32.773.795	801.897.055	27.549.583
Thuế tài nguyên	5.626.049.031	5.194.858.114	5.245.718.923	5.575.188.222
Thuế nhà đất	-	3.468.791	3.468.791	-
Lệ phí môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.995.498.478	2.084.337.976	3.479.287.148	1.600.549.306
Cộng	16.218.317.113	17.578.060.138	18.574.401.147	15.221.976.104

5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột	1.821.183.525	2.051.805.556
Lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Kon Tum	19.507.250	-
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội	1.512.660.958	-
Cộng	3.353.351.733	2.051.805.556

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	15.121.741	15.121.741
Bảo hiểm xã hội	86.487.167	128.753.134
Bảo hiểm y tế	7.593.795	20.592.115
Bảo hiểm thất nghiệp	3.375.020	9.115.773
Phải trả, phải nộp khác	63.960.538	63.960.538
Cộng	176.538.261	237.543.301

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn Ngân hàng (Nợ dài hạn đến hạn trả)	63.500.000.000	63.500.000.000	36.600.000.000	24.500.000.000	51.400.000.000	51.400.000.000	51.400.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (i)	18.400.000.000	18.400.000.000	19.700.000.000	9.300.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (ii)	24.000.000.000	24.000.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (iii)	21.100.000.000	21.100.000.000	14.700.000.000	13.000.000.000	19.400.000.000	19.400.000.000	19.400.000.000
Vay dài hạn	604.794.000.000	604.794.000.000	-	36.600.000.000	641.394.000.000	641.394.000.000	641.394.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (i)	88.494.000.000	88.494.000.000	-	19.700.000.000	92.894.000.000	92.894.000.000	92.894.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (ii)	352.500.000.000	352.500.000.000	-	2.200.000.000	370.000.000.000	370.000.000.000	370.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (iii)	163.800.000.000	163.800.000.000	-	14.700.000.000	178.500.000.000	178.500.000.000	178.500.000.000
Cộng	668.294.000.000	668.294.000.000	36.600.000.000	61.100.000.000	692.794.000.000	692.794.000.000	692.794.000.000

[Handwritten signature and stamp]

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(i) Các hợp đồng:

Khoản vay trên được vay từ ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum, theo hợp đồng tín dụng số 5100-LAV - 3009000523 ngày 12 tháng 06 năm 2009 với thời hạn vay 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhằm mục đích đầu tư dự án Thủy điện Đăk Pia, theo các phụ lục hợp đồng sửa đổi tín dụng, nợ gốc bắt đầu từ ngày 25/06/2013. Khoản vay này chịu lãi suất cho vay có điều chỉnh, được tính bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam, 12 tháng (lãi trả sau), của chi nhánh Ngân hàng NN và PTNT - CN Kon Tum, cộng 3%/năm, tối đa bằng lãi suất trần theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Lãi suất được điều chỉnh tối đa 03 tháng 01 lần. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ giá trị công trình thủy điện Đăk Pia.

Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VNĐ theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTĐ-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP thủy điện Đăk Ne và Công ty TNHH Nước Vín. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma thuật (VAB) theo hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTĐHDN ngày 15 tháng 5 năm 2015 với thời hạn 14 năm kể từ ngày 15/05/2015 đến ngày 15/05/2029 nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Đak Bla 1. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất thông báo của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Thời hạn trả nợ gốc bắt đầu từ ngày 15/05/2018. Ngày 31/12/2016 hai bên có ký phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTĐHDH-PL01 với việc điều chỉnh số tiền cho vay lên 395.000.000.000 đồng. Thời gian vay không thay đổi, chỉ được ân hạn nợ gốc là 24 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu (Trong thời gian 02 năm xây dựng).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1. Quyền tài sản phát sinh từ việc đầu tư Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1. Bao gồm: Quyền phát sinh từ các khoản phải thu theo hợp đồng mua bán điện, Quyền phát sinh từ các nguồn thu có được từ việc thực hiện Cơ chế phát triển sạch (CDM), Quyền phát sinh từ việc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

(iii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VNĐ theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTĐH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện ĐăkNe. Lãi suất vay là lãi biến động và kỳ điều chỉnh được quy định trên từng từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng theo thông báo của VAB tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện ĐăkNe để thế chấp cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.13 Vốn Chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn Chủ sở hữu**

	Đơn vị: VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<i>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018</i>				
Số dư tại 01/01/2018	284.904.000.000	26.780.175.679	3.631.879.941	315.316.055.620
Tăng trong kỳ	-	14.697.194.073	150.401.113	14.847.595.186
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	14.697.194.073	150.401.113	14.847.595.186
Giảm trong kỳ	-	17.849.769.540	7.536.990	17.857.306.530
Trích lập các quỹ	-	634.448.174	7.536.990	641.985.164
Chia cổ tức cho cổ đông	-	17.094.240.000	-	17.094.240.000
Giảm khác	-	121.081.366	-	121.081.366
Số dư tại 30/06/2018	284.904.000.000	23.627.600.212	3.774.744.064	312.306.344.276
<i>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019</i>				
Số dư tại 01/01/2019	284.904.000.000	21.494.907.609	3.801.739.092	310.200.646.700
Tăng trong kỳ	-	14.068.144.417	66.312.514	14.134.456.931
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	14.068.144.417	66.312.514	14.134.456.931
Giảm trong kỳ	-	398.120.808	-	398.120.808
Trích lập các quỹ	-	398.120.808	-	398.120.808
Số dư tại 30/06/2019	284.904.000.000	35.164.931.218	3.868.051.605	323.936.982.823

Trong kỳ, Công ty thực hiện chia cổ tức, trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/2018/NQ-TTE ngày 08/04/2018.

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	30/06/2019		01/01/2019	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của các cổ đông	28.490.400	100,00%	28.490.400	100,00%
Cộng	28.490.400	100,00%	28.490.400	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.12. Vốn Chủ sở hữu (tiếp theo)****c. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	398.120.808	17.849.769.540

d. Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.01 Doanh thu**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Doanh thu bán điện	95.576.919.298	66.038.703.239
Cộng	95.576.919.298	66.038.703.239

6.02 Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Giá vốn bán điện	37.230.035.607	25.209.374.718
Cộng	37.230.035.607	25.209.374.718

6.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi	36.326.663	17.137.272
Cộng	36.326.663	17.137.272

6.04 Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lãi tiền vay	39.255.865.333	22.140.477.956
Cộng	39.255.865.333	22.140.477.956

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.730.330.464	1.197.508.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	48.430.591	99.421.260
Chi phí khấu hao TSCĐ	206.270.910	222.168.728
Thuế phí và lệ phí	25.521.529	46.507.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.041.835	65.843.422
Chi phí bằng tiền khác	1.586.374.114	1.264.187.951
Cộng	3.820.969.443	2.895.637.288

6.06 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.123.756.237	15.759.247.016
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	237.178.110	99.255.348
Thu nhập chịu thuế	15.360.934.347	15.858.502.364
Thu nhập được miễn thuế	1.981.722.480	5.942.580.024
Thu nhập chịu thuế suất 10%	11.243.691.655	10.153.352.766
Thu nhập chịu thuế suất 20%	2.135.573.612	(237.430.427)
Thuế TNDN phải nộp	989.299.306	911.651.830
Thuế TNDN phải nộp 10%	1.124.369.165	1.015.335.277
Thuế TNDN phải nộp 20%	427.114.723	403.984.192
Thuế TNDN được miễn, giảm	(562.184.583)	(507.667.638)
Thuế TNDN phải nộp	989.299.306	911.651.830

6.07 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	48.430.591	99.421.260
Chi phí nhân công	3.814.603.524	2.952.312.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.135.640.606	16.889.474.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.492.893.408	6.400.415.723
Chi phí khác bằng tiền	2.559.436.921	1.763.387.709
Cộng	41.051.005.050	28.105.012.005

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6.08 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lợi nhuận phân phối cho công ty mẹ	14.068.144.417	14.697.194.073
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	398.120.808	634.448.174
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.670.023.609	14.062.745.899
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	28.490.400	28.490.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	480	494

7. THÔNG TIN KHÁC**7.01 Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.533.891.414	28.213.223.887
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.111.723.697	22.519.960.050
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	64.645.615.111	50.733.183.937
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	668.294.000.000	692.794.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.983.818.725	4.655.585.756
Chi phí phải trả	3.353.351.733	2.051.805.556
Tổng cộng	673.631.170.458	699.501.391.312

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu đầu vào, tỷ giá hối đoái, lãi suất và các chủ trương chính sách của Nhà Nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN*****Quản lý rủi ro về tỷ giá***

Khách hàng Công ty là đối tác trong nước, do đó Công ty sẽ ít gặp phải rủi ro đáng kể khi tỷ giá có sự biến động.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn, dài hạn và vay các nhân theo hợp đồng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khá lớn, chiếm tỷ lệ khoảng 66%/Tổng Tài sản của Công ty. Do đó Công ty sẽ gặp phải một số rủi ro về lãi suất khi có sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	30/06/2019		Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.533.891.414	-	13.533.891.414
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.841.690.697	33.270.033.000	51.111.723.697
Cộng	31.375.582.111	33.270.033.000	64.645.615.111
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	63.500.000.000	604.794.000.000	668.294.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.983.818.725	-	1.983.818.725
Chi phí phải trả	3.353.351.733	-	3.353.351.733
Cộng	68.837.170.458	604.794.000.000	673.631.170.458
Chênh lệch thanh khoản thuần	(37.461.588.347)	(571.523.967.000)	(608.985.555.347)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN****7.02 Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Trung Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Tấn Phát	Cùng thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT và Ban TGD	Thành viên chủ chốt

Giao dịch với bên liên quan trong kỳ

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Công ty Cổ phần Tấn Phát		
Chi phí thuê văn phòng	81.818.181	68.181.818
Thuê thi công Công trình Đắc Bla 1	-	5.330.495.000
Chi phí thuê xe, máy đào	706.419.950	-

Số dư với bên liên quan tại ngày 30/06/2019

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần Tấn Phát		
Phải trả người bán	500.000.001	210.000.001
Thành viên chủ chốt		
Tạm ứng	15.563.555.602	67.138.557
Ông Lê Văn Khoa	8.445.396.995	49.284.070
Ông Trần Quang Chung	13.000.000	-
Ông Hoàng Hữu Điền	7.105.158.607	17.854.487

Thu nhập HĐQT và Ban Giám đốc

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Tổng thu nhập	376.440.000	426.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MÃU B 09a-DN/HN

7.02 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận cơ bản của Công ty là bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

	Tại Kon Tum		Tại Quảng Nam		Tổng	
	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018
Doanh thu thuần	88.118.122.200	61.426.852.471	7.458.797.098	4.611.850.768	95.576.919.298	66.038.703.239
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	33.892.767.609	22.161.763.605	3.337.267.998	3.047.611.113	37.230.035.607	25.209.374.718
Lợi nhuận theo bộ phận	54.225.354.591	39.265.088.866	4.121.529.100	1.564.239.655	58.346.883.691	40.829.328.521

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

7.03 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30/06/2018 đã được soát xét.

Kon Tum, ngày 21 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Lê Văn Khoa

